

Số: 482/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2026 - 2030**  
**của Thành phố Hồ Chí Minh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**KHÓA X, KỲ HỌP THỨ SÁU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ về ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ ban hành Quy định chi tiết lập Kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 03 năm;*

*Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm;*

*Căn cứ Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2026 - 2030;*

*Xét Tờ trình số 912/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Nghị quyết về Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2026 - 2030 của Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 914/BC-BKTNS ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Thông qua Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2026 - 2030 của Thành phố Hồ Chí Minh như sau:**

#### **1. Mục tiêu tổng quát**

Bảo đảm cân đối ngân sách địa phương theo hướng tích cực. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách nhà nước, tăng cường công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của các cơ quan, đơn vị các cấp về thu, chi ngân sách nhà nước.

Thực hiện các mục tiêu tài chính ngân sách tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, trong đó tập trung một số mục tiêu chủ yếu như sau:

- Huy động mọi nguồn lực, khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế, vị trí chiến lược và hiệu quả phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số nhằm thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển nhanh, bền vững, hướng tới 100 năm thành lập Đảng (năm 2030).

- Thành phố trở thành một đô thị văn minh, hiện đại, trung tâm đổi mới sáng tạo, năng động, hội nhập, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, có vị trí nổi trội ở khu vực Đông Nam Á.

- Thành phố nằm trong nhóm 100 thành phố toàn cầu, đáng sống và có hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của thế giới, thuộc nhóm thu nhập cao.

- Tầm nhìn đến 100 năm thành lập nước (năm 2045) nằm trong nhóm 100 thành phố có chất lượng sống tốt nhất thế giới, xứng tầm siêu đô thị quốc tế của Đông Nam Á, là Trung tâm kinh tế, tài chính, du lịch, dịch vụ, giáo dục, y tế của Châu Á, điểm đến hấp dẫn toàn cầu, kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển đặc sắc, bền vững, chất lượng cao, hội nhập quốc tế sâu rộng.

- Tổng chi xã hội cho nghiên cứu phát triển (R&D) đạt 2 - 3% GRDP, bố trí ít nhất 4 - 5% tổng chi ngân sách hằng năm cho khoa học, công nghệ, chuyển đổi số.

#### **2. Mục tiêu cụ thể**

a) Phần đầu thu ngân sách nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 5.138.520 tỷ đồng. Trong đó:

- Thu ngân sách nhà nước (phần nội địa) khoảng 3.965.917 tỷ đồng.

- Thu từ dầu thô khoảng 197.500 tỷ đồng.

- Thu xuất nhập khẩu khoảng 975.103 tỷ đồng.

b) Phần đầu thu ngân sách địa phương Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 2.162.284 tỷ đồng, trong đó thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp phần nội địa khoảng 1.647.983 tỷ đồng.

c) Phần đầu chi ngân sách địa phương Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 2.211.576 tỷ đồng. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển khoảng 1.327.088 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 60% tổng chi ngân sách địa phương.

- Chi thường xuyên khoảng 685.357 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 31% tổng chi ngân sách địa phương.

- Chi dự phòng ngân sách khoảng 70.000 tỷ đồng.

- Chi trả nợ, lãi vay khoảng 11.761 tỷ đồng.

- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương khoảng 117.370 tỷ đồng.

d) Bội chi ngân sách giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 49.291 tỷ đồng, bằng 2,3% (49.291 tỷ đồng/2.162.284 tỷ đồng) thu ngân sách địa phương. Dư nợ chính quyền địa phương đến năm 2030 khoảng 74.909 tỷ đồng, bằng 3,5% (74.909 tỷ đồng/2.162.284 tỷ đồng) thu ngân sách địa phương Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026 - 2030.

Số vay bù đắp bội chi ngân sách địa phương dành để chi đầu tư phát triển thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và theo kế hoạch thực hiện các Hiệp định vay, hiệp định tín dụng đã ký kết với Nhà tài trợ nước ngoài.

*(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)*

### 3. Định hướng

- Đảm bảo thực hiện theo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết việc lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm; Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ về Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm; cơ chế đặc thù đối với Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Bám sát với mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đề ra trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, Nghị quyết của Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ triển khai các Nghị quyết của Trung ương, chiến lược về tài chính, nợ công, cải cách hệ thống thuế, chiến lược phát triển các ngành, lĩnh vực, quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch địa phương thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các tài liệu dự kiến trình Đại hội Đảng toàn quốc về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026 - 2030.

- Triệt để cắt giảm chi thường xuyên, các khoản chi không thực sự cần thiết, cấp bách như hội họp, tiếp khách, đi công tác nước ngoài. Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước để thực hiện các chủ trương, chính sách lớn của Đảng, Nhà nước trong giai đoạn 2026 - 2030, tập trung cho tăng trưởng, đầu tư phát triển, bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, manh mún.

- Công khai, minh bạch, hiệu quả, chống tiêu cực, tham nhũng trong việc giao chỉ tiêu thu chi ngân sách nhà nước; tăng cường phân công, phân cấp, phân quyền theo quy định của pháp luật, cá thể hóa trách nhiệm gắn với kiểm tra, giám sát, phân bổ nguồn lực hợp lý, đặc biệt coi trọng và phát huy vị trí, vai trò của người đứng đầu.

#### 4. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện

- Tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Chương trình hành động số 03-CTrHĐ/TU ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết của Bộ Chính trị, như: Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 về “Hội nhập quốc tế trong tình hình mới”; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2025 về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 8 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh giai đoạn 2025 - 2026.

- Triển khai hiệu quả cơ chế tài chính ngân sách theo cơ chế đặc thù được Quốc hội phê duyệt áp dụng cho Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tiếp tục tổ chức thực hiện nhiệm vụ ngân sách hàng năm trong giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn theo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản chỉ đạo như: Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh, tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong việc chấp hành pháp luật về tài chính - ngân sách nhà nước; Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ về việc thực hiện Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Nâng cao công tác tổ chức, quản lý điều hành và xây dựng kế hoạch ngân sách nhà nước hàng năm, bảo đảm chặt chẽ, linh hoạt theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong việc chấp hành pháp luật về ngân sách nhà nước. Đẩy mạnh công tác công khai, minh bạch trong hoạt động quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước.

- Bảo đảm đủ nguồn để thực hiện lộ trình cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

- Thường xuyên rà soát, thực hiện cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp, tạo điều kiện để các doanh nghiệp ở tất cả các xã, phường, đặc khu thuận lợi trong việc thành lập mới và mở rộng sản xuất kinh doanh. Kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc nhằm đẩy mạnh việc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện các dự án; Nâng tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp, qua đó, tạo việc làm cho người lao động, đồng thời nâng cao hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn Thành phố.

- Tăng cường các biện pháp để quản lý, nuôi dưỡng và bồi dưỡng nguồn thu theo hướng đảm bảo tính bền vững của nguồn thu ngân sách nhà nước; trong đó, tập trung theo hướng hỗ trợ, tạo thuận lợi nhất cho người nộp thuế đẩy mạnh hoạt động sản xuất, kinh doanh và thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế.

- Hiện đại hóa công tác quản lý thu, tăng cường công tác quản lý, chống thất thu, nhất là chống thất thu thuế trong kinh doanh, chuyên nhượng bất động sản; quản lý có hiệu quả các nguồn thu mới phát sinh trong điều kiện phát triển kinh tế số, giao dịch điện tử xuyên biên giới, đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra thuế, chống chuyển giá, trốn thuế, gian lận thuế, quyết liệt xử lý nợ đọng thuế và kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế. Đồng thời phấn đấu tăng thu ở những địa bàn, lĩnh vực có điều kiện để bù đắp số giảm thu do thực hiện các chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí.

- Tập trung tháo gỡ, xử lý dứt điểm các dự án, công trình, đất đai còn khó khăn, vướng mắc tồn đọng nhiều năm. Đồng thời, rà soát, tính toán lại giá thuê đất của các dự án có điều chỉnh quy hoạch; các dự án thuê đất đã hết thời gian ổn định đơn giá thuê đất; các dự án đã có quyết định thuê đất, giao đất nhưng chưa xác định giá đất, các dự án có sử dụng phân mặt đất, mặt nước, nhằm bảo đảm thu đủ tiền thuê đất theo quy định pháp luật, tránh thất thu ngân sách nhà nước.

- Tìm kiếm các nguồn vốn ngoài ngân sách khác (vay từ các định chế tài chính, huy động sự đóng góp của doanh nghiệp được hưởng lợi từ các dự án do Nhà nước đầu tư) nhằm bổ sung nguồn lực đầu tư các công trình trọng điểm của Thành phố, từng bước nâng cao chất lượng hạ tầng tại địa phương, tạo tiền đề thu hút đầu tư, qua đó tạo được sự phát triển bền vững.

- Triển khai hiệu quả đề án huy động nguồn lực gắn các cơ chế huy động nguồn vốn đầu tư thông qua các hình thức hợp tác công - tư, đầu tư tư nhân, đầu tư trực tiếp nước ngoài. Phát huy vai trò động lực, dẫn dắt của đầu tư công, tập trung vào các chương trình, dự án trọng điểm.

- Tổ chức thực hiện Đề án TOD và kế hoạch khai thác quỹ đất để tăng cường nguồn thu từ đất. Triển khai thu một số loại phí đặc thù theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 và Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 98/2023/QH15; phát hành trái phiếu chính quyền đô thị, trái phiếu công trình; phát huy các nguồn tài trợ không hoàn lại (cả trong nước và quốc tế).

- Triển khai các giải pháp xây dựng Trung tâm tài chính quốc tế toàn diện tại Thành phố Hồ Chí Minh. Phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính xây dựng, đề xuất cơ

chế chính sách đặc thù đưa vào Nghị quyết của Quốc hội về phát triển Trung tâm tài chính nhằm phát triển thị trường vốn trong phạm vi Trung tâm tài chính.

- Nghiêm túc thực hiện kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm toán, nhất là các kiến nghị liên quan xử lý tài chính ngân sách.

- Bố trí ngân sách đầu tư phát triển nhằm thực hiện các dự án liên kết vùng thông qua hệ thống đường đối ngoại kết nối Thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh Đồng Nai, Tây Ninh, Đồng Tháp, Lâm Đồng gồm: đường Vành đai, cao tốc, Quốc lộ, đường trục chính đô thị, đường ven biển, ven sông, các nút giao thông, cầu lớn; các tuyến đường ven biển, ven sông Sài Gòn; các tuyến đường kết nối cao tốc, kết nối cảng biển, cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất; các đường trục chính khu đô thị Bắc Nam, xây dựng đường trục Đông Tây (đường Võ Văn Kiệt) nối dài từ Quốc lộ 1 đến ranh tỉnh Tây Ninh, xây dựng đường mở mới phía Tây Bắc (từ đường Vành Đai 2 đến giáp ranh tỉnh Tây Ninh), trục động lực Bình Dương - Tây Ninh, đường và cầu kết nối số 1 (quốc lộ 56B) ... Phát triển hệ thống đường sắt đô thị; Đầu tư xây dựng các tuyến đường sắt chở hàng kết hợp hành khách; Phát triển hệ thống cảng biển Cái Mép Hạ, cảng biển hành khách Quốc tế Vũng Tàu, cảng biển hành khách Quốc tế trên sông Sài Gòn, cải tạo, nâng cấp kết cấu hạ tầng đường thủy theo quy hoạch; Nâng cấp, mở rộng sân bay Côn Đảo; Nạo vét, cải tạo hệ thống kênh, sông, rạch, hệ thống kiểm soát triều, hệ thống công thoát nước... Kiểm soát chi ngân sách chặt chẽ, đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư phát triển nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngân sách nhà nước và phát triển hạ tầng của địa phương.

- Điều hành chi ngân sách nhà nước chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, chủ động rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi trong khả năng cân đối của ngân sách địa phương. Đảm bảo nguồn lực thực hiện nhiệm vụ an ninh, quốc phòng; chính sách an sinh xã hội; chính sách về tiền lương; huy động các nguồn lực xã hội để đầu tư hạ tầng giao thông, tập trung nguồn lực cho các công trình, hạ tầng trọng điểm mang tính chất lan tỏa, kết nối vùng tạo tiền đề phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

- Ưu tiên bố trí nguồn lực ngân sách và kịp thời thực hiện các chế độ, chính sách liên quan đến con người, an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo trên địa bàn Thành phố.

- Bảo đảm dư nợ vay chính quyền địa phương trong hạn mức theo quy định. Đồng thời bố trí đủ nguồn để hoàn trả khi đến hạn.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện quản lý, phân bổ, sử dụng nguồn lực tài chính ngân sách nhà nước gắn với cơ chế phân cấp, phân quyền, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc lập, quản lý, chấp hành, quyết toán ngân sách hàng năm của các cơ quan hành chính sự nghiệp các cấp. Qua đó kịp thời thu hồi nợ ngân sách đối với các khoản chi ngân sách chưa đúng quy định. Đồng thời chấn chỉnh, nâng cao công tác quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này.
2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

- Căn cứ kế hoạch tài chính 05 năm để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố; cân đối làm cơ sở để xem xét, quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước, định hướng cho công tác lập dự toán ngân sách nhà nước hằng năm. Bảo đảm sự thống nhất, phù hợp giữa kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm, dự toán ngân sách, phân bổ ngân sách và quyết toán ngân sách Thành phố hằng năm. Trong đó phải đảm bảo tuân thủ các quy định về nguyên tắc cân đối, quản lý ngân sách theo quy định.

- Tiếp tục đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu về tài chính - ngân sách kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2026 - 2030; tình hình và kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách, chủ trương định hướng lớn về tài chính ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm. Tăng cường chỉ đạo rà soát các trường hợp tạm ứng để có kế hoạch, giải pháp xử lý thu hồi hoàn trả tạm ứng; xử lý kết dư ngân sách theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Tiếp tục tập trung tổ chức khắc phục triệt để những nội dung kết luận của các cơ quan thanh tra, kiểm toán Nhà nước theo quy định.

- Tăng cường triển khai các biện pháp chặt chẽ trong công tác quản lý thu theo quy định của pháp luật thuế hiện hành. Triển khai lập, phân bổ ngân sách địa phương đúng chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi theo các hướng dẫn và quy định của Bộ Tài chính và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố; trong đó phân bổ kinh phí cho sự nghiệp giáo dục đào tạo, sự nghiệp khoa học công nghệ đảm bảo theo quy định. Phân bổ vốn đầu tư phát triển phải đảm bảo các yêu cầu theo quy định của pháp luật về đầu tư công; đối với phân bổ các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới phải đảm bảo đúng mục tiêu, đúng đối tượng và thực hiện đúng các cam kết hoặc quy định về bố trí ngân sách địa phương cho mục tiêu đó.

- Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết, trường hợp mục tiêu, chỉ tiêu cơ bản của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm của Thành phố có thay đổi hoặc có yêu cầu cấp bách về quốc phòng, an ninh khiến cân đối ngân sách Thành phố, khả năng huy động các nguồn vốn có đột biến lớn, Ủy ban nhân dân Thành phố rà soát, xây dựng phương án điều chỉnh kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2026-2030 trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định theo quy định tại Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3. Điều khoản thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa X, Kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

***Nơi nhận:***

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN Thành phố;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- Văn phòng: Thành ủy, Đoàn ĐBQH & HĐND, UBND Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp xã;
- Trung tâm Thông tin điện tử Thành phố;
- Lưu: VT, (P.CTHĐND-Tn).

**CHỦ TỊCH****Võ Văn Minh**



**KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2026 - 2030**

(Kèm theo Nghị quyết số 482/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Mục tiêu giai đoạn trước	Thực hiện giai đoạn trước 2021 - 2025					Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	
			Tổng giai đoạn	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024		Năm 2025
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
A	<b>TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GRDP) THEO GIÁ HIỆN HÀNH</b>		12.702.017.501	2.097.069.630	2.388.328.073	2.500.589.475	2.715.782.233	3.000.248.090	19.618.266.149
B	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	2.932.992.593	3.252.282.332	554.061.471	659.231.563	607.847.499	682.669.972	748.471.827	5.138.520.213
	Tốc độ tăng thu NSNN trên địa bàn (%)				19,0%	-7,8%	12,3%	9,6%	9,78%
	Tỷ lệ thu NSNN so với GRDP (%)		25,6%	26,4%	27,6%	24,3%	25,1%	24,9%	26,2%
I	<b>Thu nội địa</b>	1.843.126.958	2.115.726.043	343.907.042	400.391.824	395.969.337	441.607.840	533.850.000	3.965.917.213
	Tốc độ tăng thu (%)				16,4%	-1,1%	11,5%	20,9%	11,96%
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN trên địa bàn (%)	63%	65%	62%	61%	65%	65%	71%	77%
	Trong đó: Thu tiền sử dụng đất	126.045.648	122.133.578	14.189.096	19.292.131	11.928.844	19.025.507	57.698.000	834.798.345
	Thu xổ số kiến thiết	36.992.627	42.602.866	5.548.505	8.222.922	8.899.592	9.087.847	10.844.000	60.799.000
II	<b>Thu từ dầu thô (nếu có)</b>	184.869.638	269.016.285	40.951.577	75.236.992	57.443.589	53.884.127	41.500.000	197.500.000
	Tốc độ tăng thu (%)				83,7%	-23,6%	-6,2%	-23,0%	-2,14%
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN trên địa bàn (%)	6%	8%	7%	11%	9%	8%	6%	4%
III	<b>Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu (nếu có)</b>	776.495.997	840.613.318	160.305.584	182.763.194	154.227.060	171.317.480	172.000.000	975.103.000
	Tốc độ tăng thu (%)				14,0%	-15,6%	11,1%	0,4%	4,76%
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN trên địa bàn (%)	26%	26%	29%	28%	25%	25%	23%	19%
IV	<b>Các khoản thu khác (thu huy động đóng góp, thu viện trợ, ghi thu tiền bồi thường, GPMB, thu từ quỹ dự trữ tài chính,...)</b>	128.500.000	26.926.686	8.897.268	839.553	207.513	15.860.525	1.121.827	
	Tốc độ tăng thu (%)				-90,6%	-75,3%	7543,1%	-92,9%	
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN trên địa bàn (%)	4%	1%	2%	0%	0%	2%	0%	
C	<b>TỔNG THU NSDP</b>	755.201.007	935.161.880	193.819.264	145.827.072	138.375.380	171.290.716	285.849.448	2.162.284.291
	Tốc độ tăng thu NSDP (%)				-24,8%	-5,1%	23,8%	66,9%	21%

*Michel*

STT	Nội dung	Mục tiêu giai đoạn trước	Thực hiện giai đoạn trước 2021 - 2025					Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	
			Tổng giai đoạn	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024		Năm 2025
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
	Tỷ lệ thu NSDP so với GRDP (%)		7,4%	9,2%	6,1%	5,5%	6,3%	9,5%	11,0%
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	700.150.986	763.458.815	113.464.360	142.594.574	134.478.832	166.315.703	206.605.345	1.647.983.462
	Tốc độ tăng (%)				25,7%	-5,7%	23,7%	24,2%	13,1%
	Tỷ trọng trong tổng thu NSDP (%)	93%	82%	59%	98%	97%	97%	72%	76%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	13.906.260	34.174.982	1.853.961	2.430.485	3.814.626	4.702.085	21.373.825	338.623.560
	Tốc độ tăng (%)				31,1%	56,9%	23,3%	354,6%	
	Tỷ trọng trong tổng thu NSDP (%)	2%	4%	1%	2%	3%	3%	7%	16%
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách								
-	Thu bổ sung có mục tiêu								
D	TỔNG CHI NSDP	797.918.780	858.371.878	145.412.771	138.595.274	136.364.945	149.343.431	288.655.457	2.211.575.569
	Tốc độ tăng chi NSDP (%)				-4,7%	-1,6%	9,5%	93,3%	11,8%
	Tỷ lệ chi NSDP so với GRDP (%)		6,8%	6,9%	5,8%	5,5%	5,5%	9,6%	11,3%
I	Chi đầu tư phát triển	388.452.689	381.200.733	56.495.202	63.303.165	57.600.850	60.935.938	142.865.578	1.327.087.862
	Tốc độ tăng (%)				12,1%	-9,0%	5,8%	134,5%	18%
	Tỷ trọng trong tổng chi NSDP (%)	49%	44%	39%	46%	42%	41%	49%	60%
II	Chi thường xuyên	359.442.932	423.576.257	85.650.412	68.584.431	72.969.975	83.704.259	112.667.180	685.356.548
	Tốc độ tăng (%)				-19,9%	6,4%	14,7%	34,6%	5%
	Tỷ trọng trong tổng chi NSDP (%)	45%	49%	59%	49%	54%	56%	39%	31%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	9.196.811	6.140.726	1.567.027	907.045	1.155.907	1.224.977	1.285.770	11.760.984
	Tốc độ tăng (%)				-42,1%	27,4%	6,0%	5,0%	21,0%
	Tỷ trọng trong tổng chi NSDP (%)	1,2%	0,7%	1,1%	0,7%	0,8%	0,8%	0,4%	0,5%
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	22.727.004	13.202.027	1.478.645	3.973.340	1.817.903	-	5.932.139	117.370.176
E	BỘI CHI/BỘI THU NSDP	(42.717.773)	76.790.002	48.406.493	7.231.798	2.010.435	21.947.285	(2.806.009)	(49.291.278)
G	TỔNG MỨC VAY, TRẢ NỢ CỦA NSDP								
I	Hạn mức dư nợ vay tối đa của NSDP			102.117.924	128.335.117	161.374.598	199.578.844	247.926.414	1.977.580.155
II	Mức dư nợ đầu kỳ (năm)	26.184.836		26.184.836	25.887.551	26.016.999	27.909.269	29.503.261	32.721.936
	Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ (năm) so với mức dư nợ vay tối đa của NSDP (%)			25,6%	20,2%	16,1%	14,0%	11,9%	1,7%

STT	Nội dung	Mục tiêu giai đoạn trước	Thực hiện giai đoạn trước 2021 - 2025					Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	
			Tổng giai đoạn	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024		Năm 2025
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
	Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ (năm) so với GRDP (%)			1,2%	1,1%	1,0%	1,0%	1,0%	0,2%
III	Trả nợ gốc vay trong kỳ (năm)	4.399.591	3.909.786	1.128.023	855.817	506.429	823.550	595.966	6.888.531
IV	Tổng mức vay trong kỳ (năm)	64.498.403	13.171.034	1.607.823	2.611.429	2.719.996	2.417.542	3.814.244	49.291.278
-	Vay để bù đắp bội chi			1.607.823	2.611.429	2.719.996	2.417.542	3.814.244	49.291.278
-	Vay để trả nợ gốc							-	
V	Mức dư nợ cuối kỳ (năm)	87.263.091	32.721.936	26.664.636	26.016.999	27.909.269	29.503.261	32.721.936	74.908.574
	Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ (năm) so với mức dư nợ vay tối đa của NSDP (%)			26,1%	20,3%	17,3%	14,8%	13,2%	3,8%
	Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ (năm) so với GRDP (%)			1,3%	1,1%	1,1%	1,1%	1,1%	0,4%

**Ghi chú:** (1) Năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, dự toán chi đầu tư phát triển ngân sách địa phương được xác định bằng định mức phân bổ chi đầu tư phát triển do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định cộng với (+) số bội chi ngân sách địa phương (nếu có) hoặc trừ đi (-) số bội thu ngân sách địa phương và chi trả nợ lãi (nếu có).

(2) Cột 8 không chi tiết từng năm.